

BÁO CÁO KẾT QUẢ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2023

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Mục tiêu và đối tượng khảo sát

Mục tiêu là tìm hiểu đánh giá của sinh viên về các khía cạnh liên quan đến chất lượng nội dung chương trình, tính ứng dụng của kiến thức, kỹ năng trong chương trình; tìm hiểu tình trạng việc làm của sinh viên; ghi nhận những góp ý của sinh viên về chương trình đào tạo, giảng viên, hệ thống LMS, dịch vụ hỗ trợ. Từ những đánh giá đó, một số kiến nghị được đề xuất nhằm cải thiện chất lượng chương trình.

Khảo sát Google Form được gửi đến email của 158 sinh viên tốt nghiệp chương trình Cử nhân trực tuyến, thu về 29 ý kiến phản hồi, đạt gần 20%.

1.2. Nội dung bảng câu hỏi

Bảng khảo sát bao gồm 18 câu hỏi gồm các nội dung về:

- Thông tin cá nhân;
- Thông tin về sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm;
- Đánh giá và góp ý của sinh viên về chương trình đào tạo.

Nội dung chi tiết của bảng câu hỏi như sau:

Bảng 1: Các câu hỏi khảo sát

PHẦN 1	THÔNG TIN CÁ NHÂN
Câu 1:	Họ và tên của anh/chị.
Câu 2:	Email @oude.edu.vn của anh/chị.
Câu 3:	Anh/chị đã tốt nghiệp ngành nào tại Trung tâm Đào tạo trực tuyến?

	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán, Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Ngôn Ngữ Anh, Tài Chính - Ngân Hàng, Luật học, Luật Kinh tế, Marketing.
Câu 4:	<p>Anh/chị đã tốt nghiệp loại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình – Khá, Trung bình.
Câu 5:	<p>Tính tới nay, anh/chị có thời gian công tác/làm việc bao nhiêu năm?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi số 0 nếu anh/chị chưa từng có kinh nghiệm công tác.
Câu 6:	Đơn vị công tác hiện tại của anh/chị?
Câu 7:	Vị trí/chức danh công tác hiện tại của anh/chị?
PHẦN 2	THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Câu 8:	<p>Tổ chức mà các anh/chị đang làm việc thuộc thành phần kinh tế nào? (Có thể chọn nhiều đáp án)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan hành chính sự nghiệp; Doanh nghiệp nhà nước; Doanh nghiệp tư nhân; Doanh nghiệp nước ngoài/Tổ chức nước ngoài; Kinh doanh hộ gia đình; Khác (đáp viên tự điền).
Câu 9:	<p>Mức thu nhập trung bình mỗi tháng của anh/chị?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 10 triệu; Từ 10 đến dưới 20 triệu; Từ 20 đến dưới 30 triệu; Từ 30 triệu trở lên.
Câu 10:	<p>Vui lòng xếp hạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến công việc của anh/chị. (Hạng 1 là tác động nhiều nhất, Hạng 7 là tác động ít nhất)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức; Kỹ năng chuyên môn; Kỹ năng mềm; Năng lực ngoại ngữ; Năng lực tin học; Kinh nghiệm làm việc; Mối quan hệ.
Câu 11:	<p>Sau khi tốt nghiệp, công việc của anh/chị có thay đổi gì so với trước khi tốt nghiệp không? (1) Rất tiêu cực; (2) Tiêu cực; (3) Không thay đổi; (4) Tích cực; (5) Rất tích cực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu suất làm việc; Cơ hội thăng tiến; Thu nhập.
Câu 12:	MỨC ĐỘ ĐỒNG Ý Vui lòng cho biết mức độ đồng ý của anh/chị đối với

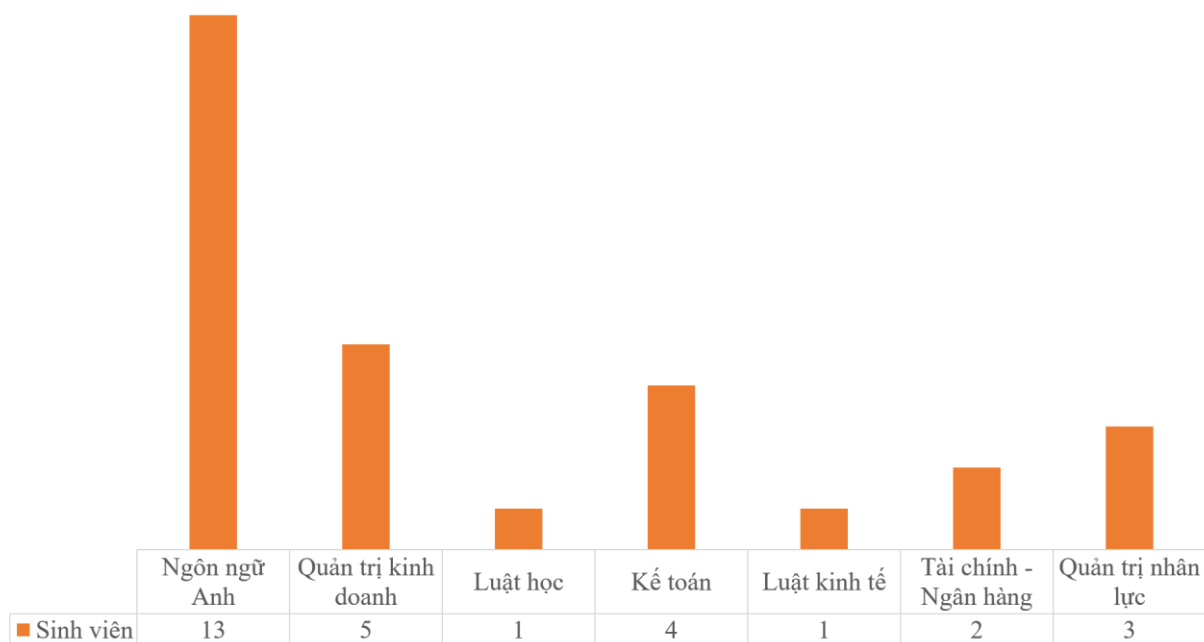
	<p>các yếu tố sau bằng cách dùng thang điểm từ 1 đến 5 với “1 là Hoàn toàn không đồng ý” tăng dần đến 5 là “Hoàn toàn đồng ý”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung chương trình được cập nhật đổi mới theo nhu cầu xã hội; - Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý; - Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học; - Chương trình đào tạo giúp nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; - Chương trình đào tạo giúp nâng cao trách nhiệm đối với xã hội.
Câu 13:	<p>Những kỹ năng anh/chị có được từ chương trình Cử nhân trực tuyến_____ . Vui lòng chọn tất cả những câu trả lời phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng học và tự học; Kỹ năng lắng nghe; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng giao tiếp và ứng xử; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng đàm phán; Kỹ năng lãnh đạo bản thân và hình ảnh cá nhân; Kỹ năng tư duy sáng tạo và mạo hiểm; Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; Khác (Đáp viên tự điền).
PHẦN 3	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP THÊM
Câu 14:	Những kiến thức và/hoặc kỹ năng cần bổ sung cho công việc của anh/chị (Câu hỏi mở).
Câu 15:	Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về chương trình đào tạo (Câu hỏi mở).
Câu 16:	Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về hoạt động giảng dạy của Giảng viên (Câu hỏi mở).
Câu 17:	Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về hệ thống LMS (Câu hỏi mở).
Câu 18:	Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về dịch vụ hỗ trợ sinh viên tại trường (Câu hỏi mở).

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

2.1. Thông tin sinh viên

2.1.1. Ngành học

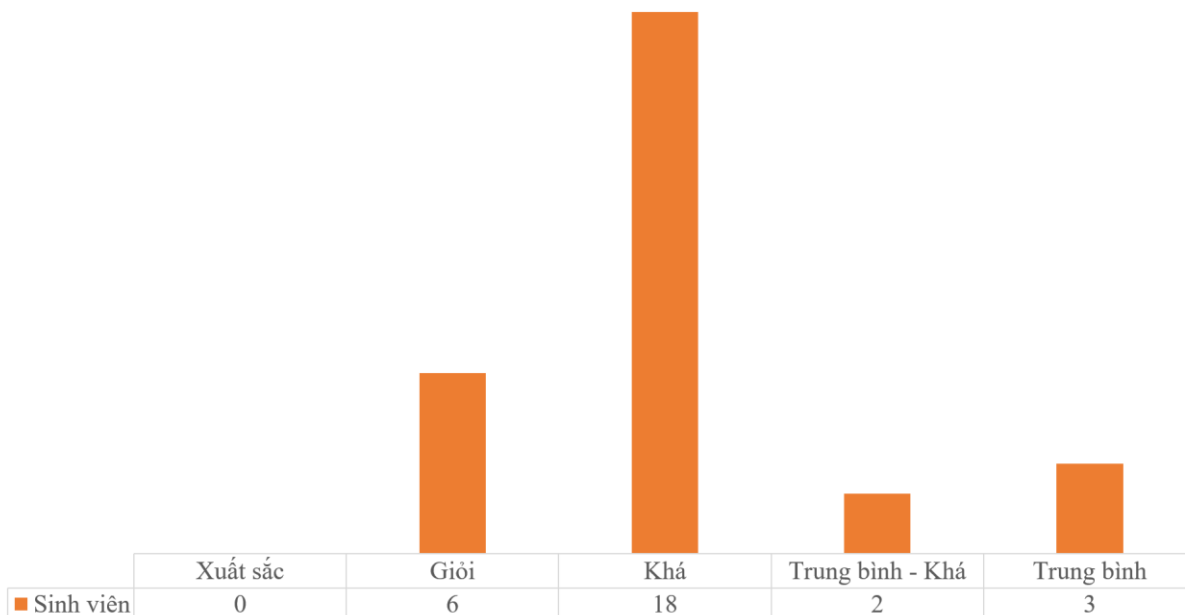
Đợt khảo sát này có 29 sinh viên đã tốt nghiệp tham gia khảo sát. Trong đó, ngành Ngôn ngữ Anh và Quản trị kinh doanh nhiều nhất với lần lượt là 13 và 5 sinh viên mỗi ngành. Ngành có nhiều sinh viên tiếp theo là Kế toán và Quản trị nhân lực với lần lượt là 4 và 3 sinh viên mỗi ngành. Các ngành còn lại có 1-2 sinh viên tham gia khảo sát.



Hình 1: Thống kê theo ngành học

2.1.2. Xếp loại tốt nghiệp

Hơn 80% sinh viên tham gia khảo sát đều tốt nghiệp loại Khá, Giỏi. Trong đó, sinh viên loại Khá là 18 sinh viên; loại Giỏi là 6 sinh viên.



Hình 2: Thống kê theo xếp loại học lực

2.2. Thông tin về việc làm và đánh giá chương trình đào tạo

2.2.1. Thông tin chung

- Tình trạng việc làm: 90% sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm.
- Thời gian công tác:
 - + 38% người có thời gian công tác từ 1 đến dưới 10 năm;
 - + 43% người có thời gian công tác từ 10 đến dưới 20 năm;
 - + 19% người có thời gian công tác từ 20 năm trở lên.
- Thành phần kinh tế:
 - + 38% người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước;
 - + 31% người làm việc trong doanh nghiệp tư nhân;
 - + 23% người làm việc trong doanh nghiệp nước ngoài;
 - + 8% người làm việc trong các tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác.
- Thu nhập hàng tháng:
 - + 38.5% sinh viên cho biết có thu nhập dưới 10 triệu mỗi tháng;

- + 38.5% có thu nhập từ 10 đến dưới 20 triệu;
- + 4% có thu nhập từ 20 đến dưới 30 triệu;
- + 19% có thu nhập từ 30 triệu trở lên.

Bảng 2: Thông tin chung về việc làm của sinh viên

Thông tin chung	Thông tin chi tiết	Số lượng sinh viên
Tình trạng việc làm	Đã có việc làm	26
	Chưa có việc làm	3
Thời gian công tác	Từ 1 đến dưới 10 năm	10
	Từ 10 đến dưới 20 năm	11
	Từ 20 năm trở lên	5
Thành phần kinh tế	Doanh nghiệp nhà nước	5
	Doanh nghiệp tư nhân	8
	Doanh nghiệp nước ngoài	6
	Cơ quan hành chính sự nghiệp	5
	Khác	2
Thu nhập hàng tháng	Dưới 10 triệu	10
	Từ 10 đến 20 triệu	10
	Từ 20 đến 30 triệu	1
	Từ 30 triệu trở lên	5

2.2.2. Đánh giá của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến công việc

Các mức đánh giá thay đổi từ mức 1 là ảnh hưởng cao nhất, mức 7 là ảnh hưởng thấp nhất, mức 4 là ảnh hưởng trung bình. Nhìn chung, cả 7 yếu tố đều có mức ảnh hưởng trung bình (mức 3, 4) đến công việc của sinh viên. Trong đó, các yếu tố về kiến thức, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm là những yếu tố được nhiều sinh viên lựa chọn là có tác động nhiều nhất đến công việc của mình. Bên cạnh đó, nhiều sinh viên cũng cho rằng năng lực tin học là yếu tố có tác động ít nhất đến công việc của họ.

Bảng 3: Đánh giá của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến công việc

Yếu tố	Giá trị trung bình (làm tròn)	Yếu vị
Kiến thức	3	1
Kỹ năng chuyên môn	4	1
Kỹ năng mềm	4	1

Năng lực ngoại ngữ	4	2
Kinh nghiệm làm việc	4	2
Mối quan hệ	4	2
Năng lực tin học	4	7

2.2.3. Đánh giá mức độ thay đổi của các yếu tố trong công việc sau khi tốt nghiệp

Các mức đánh giá gồm mức 1 là rất tiêu cực, mức 2 là tiêu cực, mức 3 là không thay đổi, mức 4 là tích cực và mức 5 là rất tích cực. Sinh viên cho rằng, sau khi tốt nghiệp hiệu suất làm việc, cơ hội thăng tiến và thu nhập của họ có sự thay đổi tích cực hơn so với lúc trước khi tốt nghiệp (giá trị trung bình đạt mức 4). Trong đó, nhiều sinh viên cho biết yếu tố thu nhập là không có sự thay đổi nhiều giữa lúc trước và sau khi tốt nghiệp.

Bảng 4: Đánh giá mức độ thay đổi của các yếu tố trong công việc sau khi tốt nghiệp

Yếu tố	Giá trị trung bình (làm tròn)	Yếu vị
Hiệu suất làm việc	4	4
Cơ hội thăng tiến	4	4
Thu nhập	4	3

2.2.4. Mức độ đồng ý của sinh viên về chương trình đào tạo

Sinh viên đánh giá rất tốt về chương trình đào tạo. Khoảng 75-80% sinh viên đều đồng ý rằng: nội dung chương trình được cập nhật đổi mới theo nhu cầu xã hội; trình tự các môn học được tổ chức hợp lý; việc kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học; chương trình đào tạo giúp nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội. Bảng bên dưới thể hiện số người đồng ý với các nhận xét vừa nêu:

Bảng 5: Mức độ đồng ý của sinh viên về chương trình đào tạo

	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Nội dung chương trình được cập nhật đổi mới theo nhu cầu xã hội	6	14	8

Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	6	16	7
Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	5	15	8
Chương trình đào tạo nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	6	15	7
Chương trình đào tạo nâng cao trách nhiệm đối với xã hội	6	16	6

2.3.2. Đánh giá của sinh viên về các kỹ năng có được từ chương trình đào tạo

- Các kỹ năng được sinh viên lựa chọn nhiều nhất (>20 lượt): kỹ năng học và tự học; làm việc nhóm; lập kế hoạch và tổ chức công việc.

- Các kỹ năng được sinh viên lựa chọn nhiều thứ hai (>10 lượt): kỹ năng lắng nghe; giải quyết vấn đề; lãnh đạo bản thân và hình ảnh cá nhân; thuyết trình; giao tiếp và ứng xử.

- Các kỹ năng có ít hơn 10 lượt chọn: kỹ năng tư duy sáng tạo và mạo hiểm; kỹ năng đàm phán.



Hình 3: Kỹ năng có được sau khi hoàn thành chương trình

3. CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

3.1. Những kiến thức và kỹ năng mà sinh viên muốn bổ sung

- Kỹ năng quản lý thời gian và nâng cao hiệu quả làm việc trong môi trường văn phòng;
- Tăng cường thực hành, kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ;
- Kỹ năng tin học.

3.2. Ý kiến về chương trình đào tạo

- Đối với ngành Quản trị kinh doanh, cần có những cập nhật về kiến thức và các sự kiện mới trong giai đoạn nền kinh tế đang biến động mạnh;
- Giảm bớt các kiến thức về lý thuyết, bổ sung nhiều nội dung thực hành;
- Các hoạt động làm việc nhóm nên được tăng cường nhiều hơn;
- Bài giảng sinh động, thú vị hơn;
- Tăng cường các bài tập tự đánh giá để tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện, kiểm tra các kiến thức đã học;
- Bổ sung những nội dung như chia sẻ các kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn, nghiên cứu các tình huống, case study, v.v.

3.3. Ý kiến về hoạt động giảng dạy

- Giảng viên cần tiếp cận, theo dõi và nhiệt tình hơn;
- Tương tác nhiều hơn với sinh viên bằng cách tạo nhiều group chat.

3.4. Ý kiến về hệ thống LMS

- Tăng cường tính năng tương tác giữa các sinh viên và nội dung học tập;
- Việc xem lại Video Conference còn bất tiện vì giảng viên không ghi âm lại buổi học qua VC.

3.5. Ý kiến về dịch vụ hỗ trợ sinh viên

- Bộ phận hỗ trợ sinh viên cần phản hồi tích cực, nhanh chóng và thân thiện hơn.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Hơn 80% sinh viên tham gia khảo sát có học lực khá và giỏi. 90% sinh viên đã có việc làm sau khi tốt nghiệp chương trình Cử nhân trực tuyến. Trong đó, tất cả sinh viên đã tốt nghiệp cho biết sự thay đổi về hiệu suất làm việc, cơ hội thăng tiến và thu nhập của mình là tích cực hơn so với lúc chưa tốt nghiệp. Điều này cho thấy chương trình đào tạo của Trung tâm Đào tạo trực tuyến mang tính thực tiễn và ứng dụng cao. Hỗ trợ rất tốt cho sinh viên về kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ để phục vụ cho công việc của họ.

Ngoài ra, sinh viên cũng đánh giá rất cao mức độ phù hợp và hữu ích của chương trình đào tạo. Họ không chỉ học hỏi được nhiều kiến thức, mà còn rèn luyện được nhiều kỹ năng để áp dụng trong công việc. Nổi bật nhất là kỹ năng học và tự học, đây là một kỹ năng vô cùng cần thiết cho công việc và cuộc sống của sinh viên. Nhờ được trang bị kỹ năng tự học mà sinh viên sau khi tốt nghiệp vẫn có thể tự học thêm nhiều kiến thức và kỹ năng mới, làm tăng hiệu quả và năng suất làm việc của mình. Hơn nữa, việc tự học còn giúp sinh viên có thể khám phá năng lực của bản thân, mở ra nhiều cơ hội, hướng đi mới cho sự phát triển của mình trong tương lai. Bên cạnh đó, kỹ năng được sinh viên đánh giá cao thứ nhì là kỹ năng làm việc nhóm. Khi sở hữu kỹ năng này, người học có khả năng làm việc chung, hợp tác với nhiều người có tính cách, thái độ làm việc khác nhau để hoàn thành các bài tập nhóm. Để thực hành tốt kỹ năng này, người học cũng phải tự trau dồi thêm khả năng giao tiếp, trình bày, phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo và nhiều kỹ năng khác để thúc đẩy nhóm hoàn thành mục tiêu chung cách tốt nhất. Thông qua đó, sinh viên dễ dàng hòa nhập, thích nghi và phát triển tốt hơn ở các môi trường làm việc khác nhau trong tương lai.

4.2. Kiến nghị

Thứ nhất, các góp ý của sinh viên là hữu ích đối với công tác nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có thể tham khảo những kiến nghị phù hợp để cải tiến chất lượng.

Thứ hai, nhiều sinh viên không đánh giá cao sự cải thiện về kỹ năng đàm phán và kỹ năng tư duy sáng tạo trong quá trình học. Một mặt, kỹ năng tư duy sáng tạo của sinh viên có thể được phát triển hơn nữa thông qua việc đổi mới, cải tiến các hoạt động giảng dạy. Mặt khác, đối với nhiều ngành học, kỹ năng đàm phán có thể là quan trọng ít hơn so với các kỹ năng khác, do đó có thể tập trung vào kỹ năng khác thay vì kỹ năng đàm phán.

Thứ ba, việc khảo sát sinh viên nên được hoàn thành trước khi họ nhận kết quả xét tốt nghiệp để thu thập được nhiều ý kiến của sinh viên hơn./.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Phan Thị Ngọc Thanh

NGƯỜI THỰC HIỆN

(đã ký)

Vương Minh Khoa